TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 699/2026/DS-ST
Ngày: 30/03/2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hồng Hải;

2. Bà Huỳnh Thị Quỳnh Hoa;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Chinh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gấm – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1248/2025/DSST ngày 01 tháng 12 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2026/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2026/QĐST-DS ngày 11/03/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N Việt Nam; Địa chỉ: Số * HL, phường CT, quận DB, Thành phố Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Văn C, sinh năm: 1994; Địa chỉ: ** KTL, phường HD, Thành phố Hồ Chí Minh, là người diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 2120/GUQ ngày 09/10/2025) – Có mặt

- *Bị đơn:* Ông Phan Hùng C1; sinh năm: 1989, CCCD số: 083089**** cấp ngày: 14/7/2023; Địa chỉ: A-*** (*** Block A) KDC NT, phường TT (trước đây là TT A, quận TB) Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/10/2025, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 02/03/2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Ngân hàng N Việt Nam có ông Phạm Văn C đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 03/03/2021, ông Phan Hùng C1 có ký kết hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 2103000048, Hạn mức tín dụng thẻ: 100.000.000 (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng); Mục đích: Tiêu dùng cá nhân; Lãi suất tại thời điểm cho vay là: 13%/năm, lãi suất điều chỉnh hiện nay là 15%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Hình thức đảm bảo tiền vay: cho vay không có bảo đảm bằng tài sản. Quá trình sử dụng thẻ, ông C1 vi phạm cam kết trả nợ trong hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dù Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông C1 thanh toán khoản vay nhưng ông C1 không hợp tác. Nay, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc cá nhân ông Phan Hùng C1 thanh toán số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 30/03/2026 là: 76.719.291 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi sáu triệu bảy trăm mười chín nghìn hai trăm chín mươi mốt đồng). Trong đó: nợ gốc: 74.987.517 đồng, nợ lãi: 1.731.774 đồng. Yêu cầu thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 02/03/2026, nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu Trường hợp ông Phan Hùng C1 không thanh toán hoặc trả nhưng không đầy đủ. Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền thi hành theo quy định.

Bị đơn ông Phan Hùng C1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đều đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp : Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Về thẩm quyền: Các bên có thỏa thuận « …..trường hợp phát sinh tranh chấp thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Tòa án nhân dân nơi Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh KTL đóng trụ sở để giải quyết ». Như vậy, Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh KTL có trụ sở tại địa chỉ : *** KTL, phường *, quận *, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường HH, Thành phố Hồ Chí Minh). Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 ; Khoản 2, 4 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự: Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý đồng thời triệu tập bị đơn, đến tòa để trình bày ý kiến, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp,

tiếp cận công khai chứng cứ cũng như tham gia phiên tòa nhưng các đương sự nêu trên đều vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử các đương sự nêu trên theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.4] Về rút một phần yêu cầu khởi kiện: ngày 02 tháng 03 năm 2026 nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Xét thấy việc rút yêu cầu nói trên là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên ghi nhận. Do đó, căn cứ điểm c Khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu: Trường hợp ông Phan Hùng C1 không thanh toán hoặc trả nhưng không đầy đủ. Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền thi hành theo quy định

Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4: Trong vụ án này Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ bằng hình thức xác minh nơi cư trú của bị đơn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 01-8-2012 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp này Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 phải tham gia phiên tòa theo quy định.

[2] Về nội dung:

Xét Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 2103000048 của Ngân hàng N giữa ngân hàng và ông C1 là hoàn toàn tự nguyện, được lập thành văn bản có chữ ký của các bên, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 91 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý ràng buộc trách nhiệm buộc các bên phải thực hiện.

Căn cứ hợp đồng giao kết giữa các bên, sự thừa nhận và không phản đối của các bên đương sự theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có cơ sở xác định ông C1 được ngân hàng cấp thẻ tín dụng với thời hạn vay và lãi suất như đại diện nguyên đơn trình bày. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông C1 không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng theo các thông báo giao dịch hàng tháng, thuộc trường hợp Ngân hàng được quyền chấm dứt sử dụng thẻ và chuyển nợ quá hạn. Nhận thấy, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 30/03/2026 là: 76.719.291 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi sáu triệu bảy trăm mười chín nghìn hai trăm chín mươi mốt đồng). Trong đó: nợ gốc: 74.987.517 đồng, nợ lãi: 1.731.774 đồng; và toàn bộ số tiền lãi, lãi quá hạn, lãi chậm trả, phí, phí phạt theo lãi suất đã thỏa thuận và phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký đến hết ngày tất toán nợ vay.

Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền 76.719.291 đồng và tiền lãi tiếp tục tính từ ngày 31/03/2026 cho đến khi bị đơn thanh toán dứt nợ vay theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 2103000048 là phù hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 91 và Khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật. Hoàn lại tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b Khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; điểm c Khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 244; Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1, khoản 4 Điều 207 ; Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; điểm c Khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 ; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 2, 4 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 401, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng N Việt Nam.

1.1. Buộc ông Phan Hùng C1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng N Việt Nam số tiền nợ tạm tính đến ngày 30/03/2026 ông C1 còn nợ ngân hàng tổng số tiền 76.719.291 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi sáu triệu bảy trăm mười chín nghìn hai trăm chín mươi mốt đồng). Trong đó: nợ gốc: 74.987.517 đồng, nợ lãi: 1.731.774 đồng theo hợp đồng tín dụng số: 2103000048 ký ngày 03/03/2021 và bản điều khoản điều kiện sử dụng thẻ.

Ông Phan Hùng C1 còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 31/03/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 2103000048 ngày 03/03/2021 và bản điều khoản điều kiện sử dụng thẻ.

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Hùng C1 phải chịu 3.835.965 (Ba triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn chín trăm sáu mươi lăm) đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng N Việt Nam số tiền tạm ứng án phí 1.743.269 (Một triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm sáu mươi chín) đồng theo biên lai thu tiền

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0037611 ngày 12/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Ngân hàng N Việt Nam về việc yêu cầu trường hợp ông Phan Hùng C1 không thanh toán hoặc trả nhưng không đầy đủ Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thuộc sở hữu của Ông Phan Hùng C1 để thu nợ.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị theo luật định.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND KV4 - TP. HCM;
- Thi hành án dân sự TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thị Thu Hiền